

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH
HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN

SỐ GỐC CẤP CHỨNG NHẬN BỒI DƯỠNG NGHIỆP VỤ SƯ PHẠM ĐỢT 3 NĂM 2026

(Theo Quyết định công nhận kết quả học tập và cấp chứng nhận hoàn thành lớp Bồi dưỡng Nghiệp vụ sư phạm đợt 3 năm 2026 tại Học viện Báo chí và Tuyên truyền số 2829-QĐ/HVBCTT-ĐT ngày 18 tháng 8 năm 2026 của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền)

Chương trình ĐT, BD: Nghiệp vụ sư phạm.

Thời gian đào tạo, bồi dưỡng: Từ ngày 30/6/2026 đến ngày 30/7/2026.

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Số định danh cá nhân	Số hiệu CN	Số vào sổ gốc cấp CN	Ký nhận
1	Phạm Duy An	05.8.2006	TP. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	075206000617	HBT/BDNVSP 000341	NVSP3/2026.01	
2	Bạch Đào Linh Anh	23.02.2004	Hà Nội	Nữ	Kinh	001304010113	HBT/BDNVSP 000342	NVSP3/2026.02	
3	Đinh Trâm Anh	21.02.2004	Lào Cai	Nữ	Kinh	010304000240	HBT/BDNVSP 000343	NVSP3/2026.03	
4	Lại Nguyệt Ánh	04.9.2002	Hà Nội	Nữ	Kinh	001302017419	HBT/BDNVSP 000344	NVSP3/2026.04	
5	Lê Trung Chính	16.9.2004	Hà Nội	Nam	Kinh	001204031098	HBT/BDNVSP 000345	NVSP3/2026.05	
6	Phù Chí Dân	18.5.1985	An Giang	Nam	Kinh	091085017832	HBT/BDNVSP 000346	NVSP3/2026.06	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Số định danh cá nhân	Số hiệu CN	Số vào sổ gốc cấp CN	Ký nhận
7	Cà Thị Điệp	06.02.2006	Điện Biên	Nữ	Thái	011306001605	HBT/BDNVSP 000347	NVSP3/2026.07	
8	Trương Thị Thùy Dung	02.9.1995	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	066195025159	HBT/BDNVSP 000348	NVSP3/2026.08	
9	Nguyễn Hoàng Dung	26.4.2002	TP. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	079302034215	HBT/BDNVSP 000349	NVSP3/2026.09	
10	Đỗ Mai Dung	24.12.1995	Hà Nội	Nữ	Kinh	001195002117	HBT/BDNVSP 000350	NVSP3/2026.10	
11	Lê Thị Ánh Dương	20.4.2006	Thanh Hóa	Nữ	Kinh	038306023960	HBT/BDNVSP 000351	NVSP3/2026.11	
12	Trần Khánh Duy	22.12.2000	Thanh Hóa	Nam	Kinh	038200008198	HBT/BDNVSP 000352	NVSP3/2026.12	
13	Lê Thị Thu Hằng	19.3.2005	Quảng Trị	Nữ	Kinh	044305001705	HBT/BDNVSP 000353	NVSP3/2026.13	
14	Vũ Thị Hạnh	05.7.2000	Ninh Bình	Nữ	Kinh	035300002666	HBT/BDNVSP 000354	NVSP3/2026.14	
15	Trần Thị Thu Hiền	06.11.1999	Ninh Bình	Nữ	Kinh	037199001783	HBT/BDNVSP 000355	NVSP3/2026.15	
16	Thái Đức Hiếu	15.8.1997	Hà Tĩnh	Nam	Kinh	042097004840	HBT/BDNVSP 000356	NVSP3/2026.16	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Số định danh cá nhân	Số hiệu CN	Số vào sổ gốc cấp CN	Ký nhận
17	Võ Thị Hoài	12.02.2005	Nghệ An	Nữ	Kinh	040305027754	HBT/BDNVSP 000357	NVSP3/2026.17	
18	Nguyễn Hữu Hùng	08.12.2004	Hà Nội	Nam	Kinh	001204012031	HBT/BDNVSP 000358	NVSP3/2026.18	
19	Vũ Lan Hương	31.7.1981	Hà Nội	Nữ	Kinh	001181017926	HBT/BDNVSP 000359	NVSP3/2026.19	
20	Phạm Nguyên Hương	27.10..2003	Hà Nội	Nữ	Kinh	001303011731	HBT/BDNVSP 000360	NVSP3/2026.20	
21	Lê Thị Hường	30.4.2001	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	054301009524	HBT/BDNVSP 000361	NVSP3/2026.21	
22	Nguyễn Bảo Nguyên Khang	06.3.2006	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	051206012464	HBT/BDNVSP 000362	NVSP3/2026.22	
23	Nguyễn Thị Xuân Khánh	01.9.2004	Hà Nội	Nữ	Kinh	001304004969	HBT/BDNVSP 000363	NVSP3/2026.23	
24	Tiết Ngọc Lan	05.02.1984	TP. Hồ Chí Minh	Nữ	Hoa	079184024391	HBT/BDNVSP 000364	NVSP3/2026.24	
25	Đinh Thị Thu Lệ	10.8.2002	Lai Châu	Nữ	Thái	012302000438	HBT/BDNVSP 000365	NVSP3/2026.25	
26	Hồ Gia Khánh Linh	10.6.2005	Hà Tĩnh	Nữ	Kinh	042305007431	HBT/BDNVSP 000366	NVSP3/2026.26	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Số định danh cá nhân	Số hiệu CN	Số vào sổ gốc cấp CN	Ký nhận
27	Phan Nguyễn Nhật Linh	03.3.1997	Nghệ An	Nữ	Kinh	040197001337	HBT/BDNVSP 000367	NVSP3/2026.27	
28	Võ Nguyễn Khánh Linh	20.12.2005	Thanh Hóa	Nữ	Kinh	038305019872	HBT/BDNVSP 000368	NVSP3/2026.28	
29	Ninh Nhật Mai	10.4.2001	Hải Phòng	Nữ	Kinh	001301003223	HBT/BDNVSP 000369	NVSP3/2026.29	
30	Nguyễn Thúy Mai	15.8.1983	Hà Nội	Nữ	Kinh	001183000201	HBT/BDNVSP 000370	NVSP3/2026.30	
31	Lê To Co So Mi	02.3.2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	048304003243	HBT/BDNVSP 000371	NVSP3/2026.31	
32	Trần Nguyệt Minh	21.01.2007	Hà Nội	Nữ	Kinh	001307029022	HBT/BDNVSP 000372	NVSP3/2026.32	
33	Nguyễn Quang Minh	09.6.2001	Nghệ An	Nam	Kinh	040201017670	HBT/BDNVSP 000373	NVSP3/2026.33	
34	Vũ Kim Ngân	02.11.2002	Hà Nội	Nữ	Kinh	001302019033	HBT/BDNVSP 000374	NVSP3/2026.34	
35	Lê Sỹ Ngọc	21.12.1983	Phú Thọ	Nam	Kinh	017093000540	HBT/BDNVSP 000375	NVSP3/2026.35	
36	Nguyễn Thị Hồng Nhị	11.5.1994	Tây Ninh	Nữ	Kinh	080194004700	HBT/BDNVSP 000376	NVSP3/2026.36	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Số định danh cá nhân	Số hiệu CN	Số vào sổ gốc cấp CN	Ký nhận
37	Phan Thị Trúc Phương	30.11.1980	An Giang	Nữ	Kinh	91180013832	HBT/BDNVSP 000377	NVSP3/2026.37	
38	Đoàn Văn Quý	07.02.1982	Hải Phòng	Nam	Kinh	030082024617	HBT/BDNVSP 000378	NVSP3/2026.38	
39	Bạc Thị Tâm	04.5.1999	Sơn La	Nữ	Thái	014199000591	HBT/BDNVSP 000379	NVSP3/2026.39	
40	Phạm Ngọc Anh Thu	13.02.2006	Ninh Bình	Nữ	Kinh	037306000004	HBT/BDNVSP 000380	NVSP3/2026.40	
41	Nguyễn Minh Toàn	01.8.2000	TP. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	079200004387	HBT/BDNVSP 000381	NVSP3/2026.41	
42	Trần Thanh Trà	08.10.1996	Cao Bằng	Nữ	Tày	004196007239	HBT/BDNVSP 000382	NVSP3/2026.42	
43	Phùng Thị Ngọc Trâm	04.11.1997	Phú Thọ	Nữ	Kinh	025197012026	HBT/BDNVSP 000383	NVSP3/2026.43	
44	Nguyễn Thu Trang	01.9.1997	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	024197002965	HBT/BDNVSP 000384	NVSP3/2026.44	
45	Phạm Quỳnh Trang	23.11.2004	Hải Phòng	Nữ	Kinh	031304008476	HBT/BDNVSP 000385	NVSP3/2026.45	
46	Trần Ngọc Tuấn	29.3.1990	Đắk Lắk	Nam	Kinh	066090004745	HBT/BDNVSP 000386	NVSP3/2026.46	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Số định danh cá nhân	Số hiệu CN	Số vào sổ gốc cấp CN	Ký nhận
47	Nguyễn Bích Vân	28.01.2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	019303006313	HBT/BDNVSP 000387	NVSP3/2026.47	
48	Lương Thị Thu Vân	09.7.2004	Tuyên Quang	Nữ	Kinh	008304000125	HBT/BDNVSP 000388	NVSP3/2026.48	
49	Phạm Thị Hiền Vi	10.11.2005	Nghệ An	Nữ	Kinh	040305018825	HBT/BDNVSP 000389	NVSP3/2026.49	
50	Đỗ Thị Hà Vy	02.5.2005	Hà Nội	Nữ	Kinh	001305001364	HBT/BDNVSP 000390	NVSP3/2026.50	
51	Đinh Thị Xuyên	16.10.2005	Phú Thọ	Nữ	Mường	017305003016	HBT/BDNVSP 000391	NVSP3/2026.51	

Tổng số: 51 chứng nhận.

Hà Nội, ngày 18 tháng 8 năm 2026

K/T GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC

(Đã ký)

Nguyễn Thị Trường Giang